

Danh sách ngày thu gom rác (ví dụ thu gom giấy báo cũ)

Tại Quận Nakano các loại giấy báo cũ như 「báo,tạp chí (sách).bìa cứng ,giấy có thể tái chế」 sẽ được thu gom tại khu 「thu gom rác tập thể※」. Từng địa phương thì ngày thu gom và danh mục rác sẽ có sự khác nhau. Vì vậy, vui lòng xác nhận ở bảng bên dưới , đưa rác ra trước 8h sáng (không đc đưa rác ra từ ngày hôm trước).

※Thu gom rác tập thể là:
Là chương trình tư giác thu thập giấy báo cũ mà người dân địa phương ví dụ như hội quản lí địa phương và hội tự quản, thực hiện với mục đích giảm thiểu rác thải, bảo vệ tài nguyên môi trường.

- 【Lưu ý】☐ Không chỉ giấy báo cũ mà **quần áo cũ, vải cũ cũng được thu gom (tuy nhiên loại trừ một số khu vực)**. Đối với quần áo cũ, vải cũ vui lòng mang đến khu tập kết rác vào những ngày được dự báo trời không mưa cả ngày (Trong trường hợp trời mưa thì dù bạn có bỏ vào túi cũng sẽ bị ướt và không thể tái sử dụng)
- ☐ Các loại giấy báo cũ được sử dụng trong các hoạt động kinh doanh (công ty・cửa hàng) không thể đưa ra khu thu gom rác tập thể.
- ☐ Ngoại trừ các trường hợp được ghi dưới đây,thì có trường hợp các khu nhà ở tập thể như chung cư sẽ thực hiện thu gom rác riêng . Các vấn đề như danh mục rác vui lòng xác nhận trực tiếp từ người quản lí tòa nhà.

【Cách xem bảng biểu】 Tên thành phố sẽ theo thứ tự phát âm trong tiếng Nhật. Cột ngoài cùng bên phải 「Danh mục rác ngoại trừ giấy báo cũ」 thì sẽ được quy định như sau: quần áo cũ・vải cũ, Lon nhôm, lon sắt.

Tên địa phương		Địa phương (Khu phố.Đường)	Tên quản lí・tự quản	Ngày thu gom	Danh mục thu gom rác ngoại trừ giấy báo cũ
あ	Arai	Arai 1 Chome 1, 2 (Một phần), 3 (Một phần)	Shousan Jichikai	Thứ 4	
		Arai 1 Chome 2 (Một phần), 3 (Một phần), 4, 5, 12 ～ 35	Arai Higashi Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 1 Chome 6 ～ 11, Arai 2 Chome 1 ～ 8, 20 ～ 35, 37, 38	Arai Minami Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 1 Chome 36 ～ 43, Arai 2 Chome 10 (Một phần), 11, 12	Arai Naka Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 5 Chome 1 ～ 4, 6 ～ 19, 21 ～ 31, 32 (Một phần), 33 (Một phần)			
		Arai 2 Chome 9, 10 (Một phần), 13 ～ 19, 36, 39 ～ 43, Arai 3 Chome 1 ～ 7, 9 (Một phần), 10 ～ 23, 37	Arai Nishi Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 4 Chome 1 (Một phần)	Nokata Hiagashi Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 2 Chome 44 ～ 51, Arai 3 Chome 24 ～ 36			
		Arai 3 Chome 8, 9 (Một phần), Toàn bộ Arai 4 Chome (Trừ một phần khu 1)	Arai Kita Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 5 Chome 5, 20, 32 (Một phần), 33 (Một phần)	Numabukuro Shinwa Kai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
え	Egota	Arai 3 Chome 38	Egota 1 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Egota 1 Chome 1 ～ 39	Asahi Kouminkan Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Egota 1 Chome 40 ～ 43, Toàn bộ Egota 2 Chome , Toàn bộ Egota 3 Chome	Egota 4 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Egota 4 Chome	Egota 1 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
	Eharacho	Eharacho 1 Chome 1 ～ 4, 19 ～ 21	Eharacho Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Eharacho 1 Chome 5 ～ 18, 22, 23 (Một phần), 24, 25 (Một phần), 26 (Một phần), 28 ～ 34, 36 (Một phần), 37 (Một phần), 38 ～ 47, Toàn bộ Eharacho 2 Chome , Toàn bộ Eharacho 3 Chome			
		Eharacho 1 Chome 23 (Một phần), 26 (Một phần), 27, 35, 36 (Một phần), 37 (Một phần)	Egota Jyutaku Jichikai	Thứ 5 của tuần thứ 1, tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Eharacho 1 Chome 25 (Một phần)	Asahi Kouminkan Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
	Kamisaginomiya	Toàn bộ Kamisaginomiya 1 Chome , Toàn bộ Kamisaginomiya 2 Chome (Trừ một phần khu 4), Toàn bộ Kamisaginomiya 3 Chome , Kamisaginomiya 5 Chome 2 (Một phần)	Kitasagi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamisaginomiya 2 Chome 4 (Một phần)	Toei Kamisaginomiya 2 Chome Apato Jichikai	Thứ 2 của tuần thứ 1, tuần thứ 3/ Thứ 2 hàng tuần (lon kim loại)	Quần áo cũ, vải cũ・Lou nhôm・lon sắt
		Toàn bộ Kamisaginomiya 4 Chome	Kamisaginomiya 4 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Kamisaginomiya 5 Chome (Trừ một phần khu 2)	Kamisaginomiya 5 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
か	Kamitakada	Kamitakada 1 Chome 1 (Một phần), 2 (Một phần), 3 (Một phần)	Shoichi Bunka Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 1 Chome 1 (Một phần), 2 (Một phần), 3 (Một phần), 4 ～ 25, 26 (Một phần), 27 (Một phần), 28, 29, 30 (Một phần), 31 (Một phần), 32, 33, 34 (Một phần), 35 (Một phần), 36 (Một phần), 37 (Một phần), 38 ～ 50	Kamitakada Kyowa Kai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 1 Chome 26 (Một phần), 27 (Một phần), 30 (Một phần), 31 (Một phần), 34 (Một phần), 35 (Một phần), 36 (Một phần), 37 (Một phần)	Shouni Chokai	Thứ 7	
		Kamitakada 2 Chome 1 (Một phần), 2, 3 (Một phần), 4 ～ 39, 40 (Một phần), 41 ～ 58	Kamitakada 2 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 2 Chome 1 (Một phần), 3 (Một phần), 40 (Một phần)	Shousan Jichikai	Thứ 4	
		Toàn bộ Kamitakada 3 Chome (Trừ khu 1, 2)	Kamitakada Rinjin Kyouryoku Kai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 3 Chome 1, 2, Kamitakada 4 Chome 1 ～ 16, 17 (Một phần) , 18 ～ 23, 28 ～ 48	Kamitadaka Higashi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 17 (Một phần)	Nakano Kamitakada Kousou Danchi Chokai	Thứ 7 của tuần thứ 1,tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 24	Kamitakada 4 Chome Apato 3 Goutou Jichikai	Thứ 7 của tuần thứ 1,tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 25	Toei Kamitakada Apato Daiichi Jichikai	Thứ 7 của tuần thứ 1,tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 26, 27	Kamitakada Shinkou Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Kamitakada 5 Chome	Kamitakada Kita Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
な	Saginomiya	Saginomiya 1 Chome 1, 2, 5	Wakamiya 1 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 1 Chome 3, 4, 7 ～ 13, 20 ～ 24, 29 ～ 31, Toàn bộ Saginomiya 2 Chome , Toàn bộ Saginomiya 3 Chome (Trừ khu 1 ～ 6, 14)	Saginomiya 3 Chome Chokai	Thứ 3	
		Saginomiya 1 Chome 6, 14 ～ 19, 25 ～ 28 , Saginomiya 3 Chome 1 ～ 6, 14	Wakamiya 3 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Saginomiya 4 Chome (Trừ khu 45, 46)	Saginomiya 4 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 4 Chome 45, 46, Toàn bộ Saginomiya 5 Chome (Trừ khu 12 ～ 16), Saginomiya 6 Chome 26, 27	Kitasagi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 5 Chome 12 ～ 16, Saginomiya 6 Chome 1 ～ 17, 20 (Một phần), 21, 22, 24, 25	Saginomiya 6 Chome Nanbu Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 6 Chome 18, 19, 20 (Một phần), 23, 28 ～ 31	Saginomiya 6 Chome Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
し	Shirasagi	Shirasagi 1 Chome 1, 2, 3, 5	Ronan Jichinokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Shirasagi 1 Chome 4, 7 (Một phần)	Saginomiya Toei Jyutaku Jichikai	Thứ 4 của tuần thứ 2,tuần thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Shirasagi 1 Chome 6, 7 (Một phần), 8 ～ 11, 12 (Một phần), 13 (Một phần), 15 ～ 29	Shirasagi Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Shirasagi 2 Chome (Trừ một phần khu 48, Trừ khu 50)	Toei Shirasagi 1 Chome Dai 4 Apato Jichikai	Thứ 7 của tuần thứ 1,tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Shirasagi 1 Chome 12 (Một phần), 13 (Một phần)			
		Shirasagi 1 Chome 14 (Một phần), 30, 31, Shirasagi 2 Chome 48 (Một phần)	Saginomiya 3 Chome Chokai	Thứ 3	
		Shirasagi 1 Chome 14 (Một phần)	Toei Shirasagi 1 Chome Dai 2 Apato Jichikai	Thứ 2 của tuần thứ 1 (giấy báo cũ)/thứ hai hàng tuần (chai thủy tinh ,lon kim loại)	Quần áo cũ, vải cũ・Lou nhôm・lon sắt ※ Cũng thu thập chai thủy tinh
		Shirasagi 2 Chome 50, Shirasagi 3 Chome 2	Saginomiya Nishi Jyutaku Jichikai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Shirasagi 3 Chome (Trừ khu 2)	Shirasagi 3 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
ち	Chuo	Chuuou 1 Chome 1, 21, 33 ～ 38	Nakahon Ichi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 2 ～ 12, 13 (Một phần), 14, 15, 18, 19, 20 (Một phần)	Koyodo Higashi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 13 (Một phần), 25, 51, 52, Chuuou 2 Chome 21 ～ 23	Miyaichi Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 16, 17, 20 (Một phần), 22 ～ 24, 26 ～ 32	Koyodo Nishi Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 40 ～ 50, Chuuou 2 Chome 7 ～ 20	Tounoyama Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 2 Chome 1 ～ 6, 29, 30	Honcho Doori 2 Chome Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 2 Chome 24 ～ 28, 31 ～ 34, 38 ～ 56	Honsan Miyamae Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 2 Chome 35 ～ 37, 57 ～ 59	Miyani Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 1, 2, 22 ～ 26	Honsan Nishi Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 3 ～ 10, 15 ～ 21, 27, 45 ～ 47	Nakacho Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 11 ～ 14, 48 ～ 51, Chuuou 4 Chome 42, 43, 44 (Một phần), 45, 52	Miyasan Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 28, 29, 37 ～ 44, Chuuou 4 Chome 11 ～ 14, 20 ～ 23, 31 ～ 41, 44 (Một phần), 46 ～ 51	Kamicho Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 30 ～ 36, Chuuou 4 Chome 1 ～ 3, 8 ～ 10	Nabeyoko Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 4 Chome 4, 5, 6 (Một phần), 7, Chuuou 5 Chome 1 ～ 10	Shin Nakano Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 4 Chome 6 (Một phần), 15 ～ 19, 24 ～ 30, 54 ～ 58, 59 (Một phần), Chuuou 5 Chome 32 ～ 43	Hashiba Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 4 Chome 53, 59 (Một phần), 60, 61, Chuuou 5 Chome 49	Nakano Eki Nankou Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 5 Chome 11 ～ 19, 20 (Một phần), 21 (Một phần), 27 (Một phần)	Honcho Doori 6 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 5 Chome 20 (Một phần), 21 (Một phần), 22 ～ 26, 27 (Một phần), 28 ～ 31, 44 ～ 48	Miyamomo Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ

Tiếp tục ở mặt sau.

ベトナム語版

【Địa chỉ liên hệ】 Ban thúc đẩy kế hoạch không có rác Quận Nakano ☎ 03(3228)5555 FAX 03(3228)5634



